

PEDAGOGICAL PROFESSIONAL TRAINING FOR STUDENTS OF THE FACULTY OF PRIMARY EDUCATION THAI NGUYEN UNIVERSITY OF EDUCATION – SITUATION AND SOLUTIONS

Nong Thi Trang

TNU - University of Education

| ARTICLE INFO | ABSTRACT |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Received: 13/6/2024 | In the teaching program of the bachelor's degree program in Primary Education of Thai Nguyen University of Education, pedagogical training is always considered the "main" axis. All teaching and educational activities of the training program revolve around this work. Therefore, research on pedagogical training for students of the Faculty of Primary Education of Thai Nguyen University of Education is necessary, in order to improve the quality of teaching to meet the educational innovation requirements proposed by the Party and State. The article uses theoretical research methods to analyze and systematize documents on pedagogical training to build a theoretical basis for the problem; Combined with educational investigation methods to find out the current status of training program content, actual teaching and learning of pedagogical training modules, from there, propose measures to improve the effectiveness of pedagogical training of the Faculty of Primary Education. The research results of the article can ensure the quality of pedagogical training at the Faculty of Primary Education - Thai Nguyen University of Education, meeting the needs of society. |
| Revised: 25/9/2024 | |
| Published: 25/9/2024 | |
| KEYWORDS | |
| Professional training | |
| Student | |
| Pedagogy | |
| Primary education | |
| Train | |

RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nông Thị Trang

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

| THÔNG TIN BÀI BÁO | TÓM TẮT |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày nhận bài: 13/6/2024 | Trong chương trình dạy học thuộc chương trình tào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm luôn được coi là trục "chính". Mọi hoạt động dạy học và giáo dục của chương trình đào tạo đều xoay quanh công tác này. Vì vậy, nghiên cứu về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên là cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước đề ra. Bài báo sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết để phân tích, hệ thống hoá các tài liệu về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nhằm xây dựng cơ sở lý luận của vấn đề; kết hợp với phương pháp điều tra giáo dục để tìm hiểu thực trạng nội dung chương trình đào tạo, thực tế dạy và học các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của Khoa Giáo dục Tiểu học. Kết quả nghiên cứu của bài báo có thể làm cho chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu của xã hội. |
| Ngày hoàn thiện: 25/9/2024 | |
| Ngày đăng: 25/9/2024 | |
| TỪ KHÓA | |
| Rèn luyện nghiệp vụ | |
| Sinh viên | |
| Sư phạm | |
| Giáo dục tiểu học | |
| Đào tạo | |

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10601>

Email: trangnt.pri@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) cho sinh viên (SV) là một công việc hết sức cần thiết như một khâu quan trọng của quá trình đào tạo SV góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Vấn đề nâng cao hiệu quả công tác RLNVSP cho sinh viên các trường sư phạm đã được nhiều tác giả quan tâm. Cụ thể là: Nhóm tác giả Lê Phương Thuý, Nguyễn Đức Nguyên, Trần Đình Minh đã nghiên cứu thực trạng công tác RLNVSP cho SV sư phạm của Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia [1]. Tác giả Hoàng Thị Hồng Phương – Trường Đại học An Giang, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng RLNVSP cho sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học, đã đưa ra 3 nhóm biện pháp để nâng cao chất lượng RLNVSP cho sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học – Trường Đại học An Giang [2]. Nhóm tác giả Lê Quang Hùng, Nguyễn Xuân Tuyến, Nguyễn Minh Thư đã tiến hành nghiên cứu thực trạng RLNVSP cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) - Trường Đại học Tây Nguyên, từ đó đưa ra 6 nhóm kỹ năng để nâng cao hiệu quả công tác RLNVSP thường xuyên cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) - Trường Đại học Tây Nguyên [3]. Tác giả My Giang Sơn đã khẳng định tầm quan trọng của thực tập nghề đối với sinh viên, từ đó, tác giả đưa ra một số phương pháp tiếp cận trong đổi mới thực tập nghề nghiệp của sinh viên đại học [4]. Bài viết của tác giả Lữ Minh Hùng, Trịnh Thị Hương đã đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác RLNVSP cho sinh viên ngành GDTH của Trường Đại học Sư phạm Cần Thơ. Đó là: vận dụng mô hình nghiên cứu bài học vào RLNVSP trong học phần Tập giảng cho SV [5]. Tác giả Mai Quang Huy với nghiên cứu: Hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thông qua dạy học học phần giáo dục học, nhấn mạnh: Đề giáo viên (GV) có thể hình thành phẩm chất và năng lực (NL) cho học sinh (HS) thì ngay trong quá trình đào tạo, sinh viên sư phạm phải được hình thành NL nghề nghiệp thông qua việc thực hiện chương trình đào tạo. Đào tạo GV theo NL cũng đang là một xu thế trên thế giới [6]. Tác giả Tạ Chí Thành – Đại học Thủ Đức khi đề cập đến chất lượng của đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu mới của nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức đã đặc biệt quan tâm đến những biện pháp để tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm nhất, cụ thể là sinh viên ngành sư phạm Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội [7]. Tác giả Phạm Đình Duyên cho rằng: Giáo dục hình thành định hướng giá trị nghề nghiệp sư phạm đúng đắn cho sinh viên là vấn đề quan trọng, cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn hiện nay [8].

Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu về công tác RLNVSP, cũng như đã có nhiều biện pháp được đề xuất nhằm góp phần nâng cao chất lượng rèn nghề, tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm. Có thể thấy, đa số các bài viết đều căn cứ vào thực trạng công tác RLNVSP tại đơn vị trường đại học cụ thể để đề xuất biện pháp cho phù hợp. Kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có về RLNVSP, ở bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu thực trạng công tác RLNVSP của Khoa GDTH – Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên. Trong đó, chúng tôi tập trung vào các nội dung: Về nội dung chương trình đào tạo cử nhân sư phạm GDTH hiện hành; Thực trạng tổ chức dạy và học các học phần RLNVSP cho sinh viên như: Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ môn, Thực tập Sư phạm 1, Thực tập Sư phạm 2; Thực trạng các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP cho sinh viên. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác RLNVSP cho sinh viên Khoa GDTH - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, đọc và phân tích các tài liệu về RLNVSP cho sinh viên sư phạm, để xây dựng cơ sở lý luận của vấn đề; kết hợp với phương pháp điều tra giáo dục thông qua bảng hỏi đối với 140 sinh viên khoá 55- Khoa GDTH (sinh viên năm thứ 4 đã được học tất cả các học phần RLNVSP). Bảng hỏi được thiết kế đảm bảo tính khoa học,

tính logic và tính khách quan. Thời gian tiến hành khảo sát là năm học 2023 - 2024. Trên cơ sở những số liệu thu được từ bảng hỏi, tác giả sử dụng các phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích để đánh giá và đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện NVSP cho sinh viên của Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái niệm RLNVSP

Có thể hiểu, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một quá trình, mà tại đó SV được thực hành, luyện tập một cách có hệ thống các kỹ năng sư phạm cần phải có của một nhà giáo tương lai; đồng thời củng cố, mở rộng, đào sâu, những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và bồi dưỡng tình cảm, thái độ đối với nghề giáo dục.

Rèn luyện NVSP là một quá trình cần diễn ra thường xuyên, liên tục trong quá trình đào tạo giáo viên. Thông qua RLNVSP, năng lực sư phạm của sinh viên (SV) được hình thành và rèn luyện thường xuyên; SV được trang bị các kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục cần thiết trước khi đi thực tập sư phạm ở các trường phổ thông.

3.2. Nội dung RLNVSP

Nội dung của hoạt động của RLNVSP vô cùng phong phú với nhiều hình thức đa dạng. Dựa vào mục tiêu, nội dung đào tạo và kế hoạch chương trình; thực tiễn ở các trường đại học, cao đẳng, nội dung cơ bản của hoạt động RLNVSP gồm: Rèn luyện kỹ năng soạn, giảng; Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch của người GV chủ nhiệm; Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; Rèn luyện kỹ năng tự rèn luyện, tự nghiên cứu, tự học tập; Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp; Rèn luyện kỹ năng sử dụng những thiết bị dạy học; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Rèn luyện kỹ năng thực hiện tư thế, tác phong sư phạm hay còn gọi là kỹ năng đứng lớp.

3.3. Thực trạng hoạt động rèn luyện NVSP cho sinh viên Khoa GDTH - Trường ĐHSPT Thái Nguyên

3.3.1. Thực trạng về nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Sư phạm GDTH – Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Qua khảo sát thực trạng về nội dung chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học đối với 140 sinh viên năm thứ 4 của Khoa với yêu cầu: Anh chị hãy cho chúng tôi biết ý kiến của mình về những vấn đề sau bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng với các số 1.2.3.4 (1 = Không đồng ý; 2 = Tạm đồng ý; 3 = Đồng ý; 4 = Hoàn toàn đồng ý). Các câu hỏi với nội dung cụ thể:

Bảng 1. Khảo sát về nội dung CTĐT GVTH của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

| STT | Nội dung chương trình | 1 | 2 | 3 | 4 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------|---------------|----------------|
| 1 | Chương trình dạy học thuộc CTĐT cử nhân Sư phạm GDTH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên nghiệp và nghiệp vụ sư phạm đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. | 0 | 0 | 15 (10,7%) | 125 (89,3%) |
| 2 | Các học phần trong CTDH được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mục tiêu của học phần về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; xác định rõ chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần so với chuẩn đầu ra của CTĐT | 0 | 0 | 02 (1,43%) | 138 (98,6%) |
| 3 | Ti lệ giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. | 0 | 2 (1,43%) | 25 (17,9%) | 113 (80,7%) |
| 4 | Tất cả các học phần trong CTDH đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra. | 0 | 0 | 0 | 140 (100%) |

| STT | Nội dung chương trình | 1 | 2 | 3 | 4 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|---------------|----------------|
| 5 | Tỉ lệ phân bố giữa tiết lý thuyết và thực hành trong từng học phần thuộc chương trình dạy học là hợp lý. | 5 (3,6%) | 20 (14,3%) | 40 (28,6%) | 75 (53,6%) |
| 6 | Các học phần thuộc khối kiến thức NVSP được đưa vào CTDH giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cần thiết để giảng dạy có hiệu quả các môn học ở tiểu học. | 0 | 12 (8,7%) | 46 (32,6%) | 82 (58,6%) |
| 7 | Cần bổ sung thêm một số học phần RLNVSP mới, có tính cập nhật giúp sinh viên có nhiều kiến thức và kỹ năng chuyên môn để đáp ứng được chương trình giáo dục phổ thông mới. | 0 | 06 (4,3%) | 30 (21,4%) | 104 (74,3%) |

Kết quả khảo sát tại bảng 1 cho thấy, đa số các ý kiến hoàn toàn đồng ý và đồng ý về tính khoa học, hợp lý, logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên nghiệp và nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo; tỉ lệ phân bố hợp lý số tín chỉ giữa các khối kiến thức trong CTDH thuộc chương trình đào tạo sư phạm GDTH; các học phần trong CTDH đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra; Các học phần thuộc khối kiến thức NVSP được đưa vào CTDH giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cần thiết để giảng dạy có hiệu quả các môn học ở tiểu học; Các ý kiến cũng hoàn toàn đồng ý và đồng ý về việc cần phải bổ sung một số học phần RLNVSP mới để giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết để thực hành nghề có hiệu quả. Đối với câu hỏi số 5, có 3,6% ý kiến không đồng ý, 20% ý kiến tạm đồng ý và sinh viên (SV) cho rằng: Chương trình dạy học vẫn mang nặng tính lý thuyết; các học phần PPDH bộ môn mới chỉ dừng lại ở nêu vấn đề, chưa có nhiều tiết giảng mẫu cho sinh viên; một số kỹ năng như đánh giá, tự đánh giá, kỹ năng định hướng... chưa được chú trọng.

3.3.2. Thực trạng về hoạt động tổ chức dạy học các học phần RLNVSP

* Các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 140 sinh viên năm thứ 4 về thực trạng tổ chức dạy học các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học. Kết quả thu được như bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng tổ chức dạy học các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ | | | |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | | Không hài lòng | Tạm hài lòng | Hài lòng | Rất hài lòng |
| A | Về thời lượng, nội dung của các học phần RLNVSP | | | | |
| 1. | Số tín chỉ dành cho các học phần rèn luyện NVSP trong chương trình Đào tạo là hợp lý. | 0 (0,00%) | 8 (5,71%) | 50 (35,71%) | 82 (58,57%) |
| 2 | Số tiết lý thuyết và thực hành được phân bố trong các học phần RLNVSP là hợp lý. | 45 (32,14%) | 20 (14,3%) | 25 (17,85%) | 50 (35,7%) |
| 3 | Các học phần RLNVSP được đưa vào chương trình giúp người học vận dụng được kiến thức cơ bản ở các lĩnh vực toán học, ngôn ngữ và văn học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, công nghệ và tin học, thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường... vào dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học | 0 (0,00%) | 11 (7,14%) | 32 (22,86%) | 97 (69,29%) |
| 4 | Các học phần RLNVSP trong chương trình đào tạo đã cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên tương lai. | 15 (10,71%) | 30 (21,42%) | 35 (25,00%) | 60 (42,9%) |
| B | Về phương pháp giảng dạy của giảng viên. | | | | |
| 5 | Trách nhiệm và sự nhiệt tình của giảng viên đối với người học. | 0 (0,0%) | 11 (7,9%) | 54 (38,57%) | 75 (53,6%) |
| 6 | Trình bày bài giảng 1 cách rõ ràng, dễ hiểu | 1 (0,71%) | 14 (10,00%) | 52 (37,14%) | 73 (52,14%) |

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ | | | |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | | Không hài lòng | Tạm hài lòng | Hài lòng | Rất hài lòng |
| 7 | Sử dụng các phương pháp dạy phù hợp với nội dung môn học. | 1 (0,71%) | 90 (64,29%) | 40 (28,57%) | 9 (6,43%) |
| 8 | Sử dụng có hiệu quả thiết bị hỗ trợ trong giảng dạy. | 2 (1,43%) | 85 (60,71%) | 45 (32,14%) | 8 (5,71%) |
| 9 | Khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học | 1 (0,71%) | 76 (54,29%) | 50 (35,71%) | 13 (9,29%) |
| 10 | Thực hiện đa dạng hoá hình thức kiểm tra đánh giá | 1 (0,71%) | 10 (7,14%) | 75 (53,57%) | 54 (38,57%) |

Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy: Đối với vấn đề về thời lượng và nội dung dạy học các học phần RLNVSP: Câu 1 và 3 đa số sinh viên hài lòng và rất hài lòng. Ở câu hỏi 2 và 4 tỉ lệ sinh viên không hài lòng chiếm số lượng lớn: Câu 2 (32,14%); Câu 4 (10,71%). Những phiếu không hài lòng đã đưa ra một số ý kiến khác cho rằng: Các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học còn “*thiên về lí thuyết*”, “*ít chú trọng tính thực hành*”, “*ít gắn với các tình huống thực tiễn ở trường tiểu học*”. Ở câu hỏi số 4, một số sinh viên cũng cho rằng, nội dung các học phần RLNVSP chưa trang bị cho sinh viên các kĩ năng mới để thích ứng với thay đổi của giáo dục và của khoa học công nghệ.

Đối với vấn đề về phương pháp dạy học của giảng viên, chúng tôi đưa ra 5 câu hỏi. Ở câu 7, 8, và 9 kết quả sinh viên tạm hài lòng chiếm số lượng lớn. Sinh viên cho rằng GV đã tích cực tổ chức cho SV tiếp cận với việc: soạn kế hoạch bài dạy, tập giảng, thiết kế đồ dùng học tập, thiết kế bài giảng điện tử, ... Tuy nhiên, “*GV còn chú trọng quá nhiều vào lí thuyết trong quá trình triển khai các hình thức, phương pháp dạy học*”. Chưa áp dụng nhiều các kĩ thuật và phương pháp dạy học hiện đại trong quá trình lên lớp để tạo hứng thú và phát huy phẩm chất, năng lực của người học. SV cũng đưa ra ý kiến, giảng viên nên đa dạng hoá hình thức kiểm tra đánh giá để đánh giá sát sao hiệu quả sự tiến bộ của người học.

* Học phần Thực tập sư phạm 1 (TTSP 1) và Thực tập Sư phạm 2 (TTSP 2)

Để giúp sinh viên có nhiều những trải nghiệm thực tế phổ thông, chương trình dạy học ngành Giáo dục Tiểu học đã xây dựng 2 học phần TTSP 1 và TTSP2. TTSP 1 có khối lượng tương đương với 2 tín chỉ, thực hiện trong 3 tuần và được tổ chức vào học kỳ 5 cho sinh viên Khoa GDTH. TTSP 1 giúp sinh viên tìm hiểu ngành nghề, nâng cao cạnh tranh trong sự nghiệp. TTSP 2 có khối lượng tương đương 3 tín chỉ, thực hiện trong 7 tuần và được tổ chức học vào học kỳ 8. TTSP 2 giúp SV tiếp xúc gần hơn với thực tế giáo dục, áp dụng vào thực tế những kiến thức đã học. Phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình đào tạo giáo viên tương lai.

Bảng 3. Thống kê kết quả TTSP1, TTSP 2 năm học 2022 -2023; 2023 -2024

| Điểm | Năm học 2022 -2023 | | | | Năm học 2023 - 2024 | | | |
|--------|--------------------|---------|----------------|---------|---------------------|---------|-----------------|---------|
| | TTSP1 (157 SV) | | TTSP2 (157 SV) | | TTSP1 (140 SV) | | TTSP 2 (140 SV) | |
| | Số SV | Tỉ lệ % | Số SV | Tỉ lệ % | Số SV | Tỉ lệ % | Số SV | Tỉ lệ % |
| Điểm A | 153 | 97,45 | 156 | 99,4 | 129 | 92,14 | 138 | 98,57 |
| Điểm B | 04 | 2,55 | 01 | 0,7 | 11 | 7,85 | 02 | 1,43 |
| Điểm C | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nhìn vào kết quả TTSP1 và TTSP 2 ở bảng 3, ta thấy trong 2 năm gần đây, tất cả các sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học đều đạt điểm B trở lên. Tuy nhiên, thông qua các báo cáo tổng kết TTSP 1, TTSP 2 năm học 2022 -2023 và năm học 2023 – 2024, của Khoa GDTH, đồng thời cũng là giảng viên trực tiếp hướng dẫn sinh viên đi TTSP 1, TTSP 2, chúng tôi nhận thấy SV khoa GDTH khi ra TTSP 1 và TTSP 2 vẫn còn một số những hạn chế.

- Về kiến thức: Một vài SV không nắm chắc kiến thức, thậm chí khi giảng bài còn sai kiến thức cơ bản. Khả năng vận dụng những kiến thức trên lớp vào thực tiễn chưa cao.

- Về kĩ năng: Điểm hạn chế lớn nhất của sinh viên khi ra thực tập là kĩ năng xử lý tình huống sư phạm. SV còn nhiều lúng túng trong việc xử lý tình huống sư phạm trong và ngoài giờ lên lớp. Kĩ năng giao tiếp, kĩ năng trình bày bảng cũng còn hạn chế. Một số sinh viên chữ viết bảng chưa đẹp, khi giảng bài còn mắc lỗi nói ngọng l/n.

- Về năng lực quản lý lớp: Khả năng bao quát lớp của một số sinh viên chưa tốt. Trong các hoạt động thảo luận, giáo sinh còn để học sinh mất trật tự và tổ chức kế hoạch bài dạy chưa hiệu quả.

3.3.3. Thực trạng về các hoạt động hỗ trợ công tác rèn luyện NVSP cho sinh viên

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi với 140 sinh viên năm thứ 4(K55), Khoa GDTH về mức độ hài lòng đối với các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP.

Bảng 4. Kết quả khảo sát thực trạng các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP cho sinh viên

| TT | Nội dung khảo sát | Mức độ | | | |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| | | Không hài lòng | Tạm hài lòng | Hài lòng | Rất hài lòng |
| 1 | Khoa đã tổ chức thường xuyên các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP cho sinh viên. | 0 (0,0%) | 11 (7,9%) | 40 (28,6%) | 89 (63,58%) |
| 2 | Thời lượng thực hiện các hoạt động hỗ trợ công tác rèn luyện NVSP hợp lý. | 0 (0,00%) | 01 (0,71%) | 19 (13,57%) | 120 (85,71%) |
| 3 | Mục tiêu các hoạt động hỗ trợ công tác rèn luyện NVSP thể hiện rõ mục tiêu của chương trình đào tạo. | 0 (0,0%) | 05 (3,57%) | 20 (17,85%) | 115 (82,14%) |
| 4 | Các hoạt động hỗ trợ công tác rèn luyện NVSP bắt kịp và đáp ứng thực tiễn dạy học ở trường phổ thông | 0 (0,00%) | 11 (7,85%) | 32 (22,86%) | 97 (69,29%) |
| 5 | SV được hình thành các năng lực sư phạm một cách tổng hợp | 0 (0,00%) | 14 (10,00%) | 35 (25,00%) | 91 (65,00%) |
| 6 | Các cuộc thi về rèn luyện NVSP đã thu hút được đông đảo SV tham gia. | 25 (17,9%) | 30 (21,42%) | 35 (25,00%) | 50 (35,7%) |
| 7 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác rèn luyện NVSP đã được đầu tư hiện đại. | 15 (10,71%) | 15 (10,71%) | 30 (21,42%) | 80 (50,14%) |
| 8 | Cải tiến công tác TTSP 1, TTSP 2 | 12 (8,57%) | 08 (5,71%) | 20 (14,28%) | 100 (71,43%) |

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, SV Khoa GDTH rất hài lòng và hài lòng đối với việc Khoa đã tổ chức thường xuyên các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP cho sinh viên; Các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP cho SV đã bắt kịp và đáp ứng thực tiễn dạy học ở phổ thông; Qua các hoạt động hỗ trợ RLNVSP, SV được hình thành các năng lực sư phạm tổng hợp. Tuy nhiên, kết quả khảo sát ở câu 6,7, và 8 cũng cho thấy thực trạng việc tham gia các hoạt động hỗ trợ công tác RLNVSP chưa thu hút đông đảo SV tham gia, có 17,9% ý kiến không đồng ý. SV cho rằng hoạt động hỗ trợ RLNVSP chỉ thu hút sự tham gia của các sinh viên giỏi, năng động. Cơ sở vật chất phục vụ công tác RLNVSP có 10,71% sinh viên chưa hài lòng. Vì thực tế cho thấy sinh viên của Khoa chưa có phòng RLNVSP riêng biệt, các em vẫn tập giảng và tham gia các hoạt động RLNVSP tại chính lớp học hàng ngày. Với câu hỏi số 8, có 71,43% ý kiến rất hài lòng với câu hỏi cần phải cải tiến công tác TTSP 1 và TTSP 2 vì theo các em Khoa và Nhà trường có thể cho sinh viên thực tập độc lập thay vì thực tập theo đoàn.

3.4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP cho SV Khoa GDTH Trường ĐHSP Thái Nguyên

3.4.1. Giáo dục ý thức, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa GDTH

Tại trường Đại học Sư phạm, hầu hết SV đều nhận thức được việc học tập và rèn luyện để trở thành những thầy giáo, cô giáo tương lai. Nhưng, để có thể nhìn nhận đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của rèn luyện NVSP trong quá trình học tập thì không phải SV nào cũng xác định được, mà đa số còn khá hoang mang. Từ đó, với vai trò là người đi trước, các thầy giáo, cô giáo

của Khoa GDTH Trường ĐHSP Thái Nguyên cần quán triệt cho SV ngay từ những ngày đầu mới nhập học về sự quan trọng, ý nghĩa và cần thiết phải quan tâm đến hoạt động RLNVSP. Khoa cần tổ chức các buổi đối thoại giữa SV năm thứ nhất với các GV có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, với SV năm thứ hai, thứ ba hoặc có thể mời các GV dạy giỏi ở các trường tiểu học đến nói chuyện. Việc này giúp định hướng cho SV biết khi theo đuổi nghề giáo viên cần phải rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp gì? Cần xem mình có thể mạnh và hạn chế gì? Từ đó, SV tự dựng lên kế hoạch rèn luyện kỹ năng và nghiệp vụ cho chính mình, có sự chuẩn bị, sát sao cho kế hoạch kiến tập, thực tập của bản thân, quan sát, lắng nghe và học hỏi kinh nghiệm từ giáo viên hướng dẫn; đồng thời chủ động, tích cực, linh hoạt trong công tác giảng dạy và chủ nhiệm lớp khi đi thực tập, kiến tập sư phạm ở các trường tiểu học.

3.4.2. *Đổi mới quy trình và phương pháp dạy học của giảng viên*

Để hoạt động rèn luyện NVSP cho sinh viên Khoa GDTH tiếp tục đạt được hiệu quả cao, Khoa nên xây dựng các hoạt động rèn luyện NVSP cho SV ngay từ năm thứ nhất để SV được làm quen và có những hiểu biết về ngành, nghề ngay từ khi mới vào trường.

Trong các học phần PPDH, giảng viên cần: Tăng cường tổ chức các tiết dạy mẫu, trong đó, giảng viên là người trực tiếp dạy để các em nắm được quy trình và cùng nhau thảo luận về phương pháp, cách thức tiến hành; Tăng cường việc mời các GV giỏi, có kinh nghiệm giảng dạy môn học ở trường tiểu học cùng tổ chức, xây dựng, thực hiện các tiết dạy trên lớp ở trường sư phạm để cho SV trải nghiệm thực tiễn. Đồng thời, tăng cường hơn nữa việc đào tạo kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cả trong và ngoài giờ lên lớp. Giảng viên dạy các học phần phương pháp dạy học (PPDH) phải tích cực áp dụng và hướng dẫn SV làm quen cũng như sử dụng thành thạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại để giúp các em tự tin khi ra thực tế phổ thông.

Cần dựng lên một quy mô RLNVSP cho SV qua các bước, các hình thức cụ thể nhằm hình thành ở SV những kỹ năng tổ chức, làm chủ các hoạt động học rèn luyện và tự học cho SV. Cụ thể là: Chia các lớp SV thành những nhóm nhỏ để thực hành rèn luyện NVSP; Xây dựng chương trình rèn luyện với các kỹ năng sư phạm cụ thể phù hợp với chuẩn đầu ra; Có giảng viên phụ trách công tác RLNVSP, làm cầu nối liên kết với các trường tiểu học để gắn kết các nội dung dạy học, rèn luyện ở tiểu học; Lựa chọn đội ngũ GV có kinh nghiệm tổ chức rèn luyện NVSP của Khoa và đội ngũ giáo viên giỏi ở trường tiểu học tham gia dạy mẫu, hướng dẫn thực hành cho SV; Thường xuyên tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn ở trường tiểu học cho Giảng viên và SV Khoa GDTH để nắm bắt thực tiễn, tìm ra những thay đổi về PP trong quá trình dạy và học ở tiểu học. Có thể cho sinh viên tự liên hệ TTSP 1, và TTSP 2 một cách độc lập chứ không cố định như cách làm hiện nay của Khoa đang thực hiện để phát huy năng lực và tính tự chủ của SV.

Bên cạnh đó, Ban chủ nhiệm Khoa cũng phải khẳng định cho GV rằng: RLNVSP không chỉ là nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên bộ môn phương pháp, mà là yêu cầu cần thiết phải có của tất cả các GV trong ngành. Mỗi GV cần có ý thức được rằng mỗi lần đứng lên bục giảng là những giờ truyền nghề, dạy nghề, giúp đỡ sinh viên RLNVSP.

3.4.3. *Đổi mới nội dung một số học phần trong chương trình đào tạo và hình thức rèn luyện NVSP*

Đối với các học phần: Tâm lý, Giáo dục, GV cần chú ý nhiều hơn đến việc cung cấp cho SV những tình huống sư phạm thực tế diễn ra hàng ngày ở trường tiểu học giúp các em tránh sự ngỡ ngàng, lúng túng khi đi thực tập.

Đối với các học phần phương pháp, GV cần tăng cường thời lượng cho việc dạy mẫu vì đây là một khâu quan trọng trong quá trình rèn luyện NVSP cho SV. GV cần quan tâm đến việc rèn luyện các kỹ năng sư phạm cho SV như: kỹ năng thuyết trình, viết bài, rèn luyện giọng nói,... tăng cường cho SV xem một số đoạn băng hình để các em tìm hiểu, nắm bắt thực tế dạy học, giáo dục sinh động, phong phú với nhiều tình huống đa dạng, phức tạp ở trường tiểu học. Đó cũng là một trong những biện pháp có thể rút ngắn khoảng cách địa lý giữa lý thuyết và thực tế. Nội dung học phần RLNVSP cần phải được thiết kế trong đó dành phần lớn thời lượng của môn học cho

việc thực hành các phương pháp, kỹ thuật dạy học; kỹ năng xử lý các tình huống SP... Được thực hành thường xuyên những phương pháp, kỹ thuật dạy học trong quá trình học tập tại trường, SV sẽ vững vàng hơn trong quá trình thực tế tại phổ thông.

Bổ sung một số học phần mới thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm để giúp sinh viên cập nhật được với chương trình giáo dục phổ thông 2018 ví dụ như: Học phần *Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học cho học sinh tiểu học*, *Giáo dục STEM* và *Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học*... Điều này giúp cho SV Khoa GDTH được trang bị nhiều kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp, để các em có đủ sự tự tin và vững vàng khi ra trường.

3.4.4. *Đổi mới cách đánh giá hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*

Để có thể đánh giá một cách tổng quan, chính xác, công bằng và thực hiện có hiệu quả các yêu cầu đào tạo, Khoa GDTH cần đánh giá trình độ NVSP của SV qua một Hội đồng riêng với sự tham gia của các giảng viên, các nhà sư phạm có chuyên sâu về NVSP. (Có thể mời những GV tiểu học giỏi tham gia Hội đồng). Hội đồng này có trách nhiệm đánh giá NVSP của SV qua một giờ lên lớp hoàn chỉnh. Điểm NVSP này phải là một trong những yêu cầu bắt buộc để đánh giá tốt nghiệp của sinh viên, kể cả sinh viên làm luận văn tốt nghiệp. Đây là cách nhìn nhận công bằng, khoa học và quan trọng hơn là nó định hướng cho SV sư phạm ý thức, trách nhiệm với việc nâng cao tay nghề.

3.4.5. *Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác rèn luyện NVSP*

Cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác rèn luyện NVSP. Để công tác RLNVSP đạt kết quả cao cần phải có các phòng dạy học chuyên biệt với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết. Phòng NVSP là môi trường, là không gian để SV rèn luyện, thực hành các kỹ năng đã được tiếp thu lý thuyết. Trong phòng NVSP, ngoài những điều kiện tối thiểu như: bàn, bút - phấn, máy chiếu, màn hình, phải cần thêm: máy móc (máy tính, máy chiếu, trang thiết bị nghe nhìn,...); Đồ dùng thí nghiệm, đồ dùng rèn luyện kỹ năng (đàn, đồ dùng vẽ, thiết bị thí nghiệm,...); máy ảnh, máy quay ghi băng hình camera,... hồ sơ, sổ sách, tư liệu, tài liệu tham khảo, bản đồ, sách giáo khoa, sách giáo viên,... Với phòng NVSP đủ tiêu chuẩn với các trang thiết bị cần thiết sẽ giúp cho người dạy, người học có cảm giác hưng phấn, sẵn sàng cho việc dạy - học có hiệu quả.

4. Kết luận

Năng lực sư phạm của mỗi SV có được chính là do kết quả của sự RLNVSP mà nên. Bởi vậy, phải đổi mới và coi việc đào tạo NVSP là nét đặc thù, là hoạt động cơ bản để rèn luyện tay nghề cho SV. Trong những năm gần đây, Khoa GDTH – Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã luôn chú trọng vào việc phát triển, rèn luyện NVSP cho SV, tạo điều kiện thuận lợi giúp cho SV phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng sư phạm cần thiết của một người giáo viên tương lai. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác RLNVSP của Khoa Giáo dục Tiểu học.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những môn học nặng về lý thuyết; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động rèn luyện NVSP còn hạn chế; vẫn còn những SV thiếu ý thức với nghề, còn chệnh mảng chưa có định hướng, chưa tâm huyết với nghề. Vì vậy, các biện pháp đề xuất trong bài viết cũng chỉ là những dự kiến trên lý thuyết. Muốn triển khai thành hiện thực đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn trường và của mỗi sinh viên ngành sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. P. La, N. D. Nguyen, and M. D. Tran, "Current status and proposed measures to train pedagogical skills for pedagogical students at the University of Education - Hanoi National University," *Journal of Education*, no. 23, pp. 47-50, 2023.
- [2] P. H. T. Hoang, "Some measures to improve the quality of pedagogical training for elementary education students at An Giang University," *Journal of Education*, no. 447, pp. 6-9, 2019.
- [3] H. Q. Le, T. X. Nguyen, and T. M. Nguyen, "Identifying skills for regular pedagogical training for

-
- students majoring in Primary Education - Tay Nguyen University," *Journal of educational equipment: Applied research*, vol. 2, no. 305, pp. 183-185, 2024.
- [4] S. M. Giang, "Some approaches to innovating professional practice for university students," *Journal of Education*, no. 23, pp. 28-31, 2023.
- [5] H. M. Lu and H. T. Trinh, "Training pedagogical skills for students majoring in Primary Education according to the lesson research model at Can Tho University," *Journal of Education*, no. 509, pp. 52-58, September 2021.
- [6] H. Q. Mai, "Forming professional capacity for pedagogical students through teaching education modules," *Journal of Educational Sciences*, no. 136, pp. 171-174, 2017.
- [7] T. C. Ta, "Measures to create career motivation for first-year students majoring in pedagogy at Capital University," *Journal of Education*, no. 47, pp. 98-108, 2021.
- [8] D. D. Pham, "Forming pedagogical career value orientation for current university and college students," *National University Science Magazine*, no. 28, pp. 217-222, 2012.